

Thứ ba, ngày 20 tháng 6 năm 2023

## Vietnam Daily Review

### VN-Index bật tăng cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/6/2023			•
Tuần 19/6-23/6/2023		•	
Tháng 06/2023			•

#### Nhận định:

**Thị trường cơ sở:** VN-Index tăng hơn 6 điểm, đóng cửa tại mốc 1,111.72 điểm trong ngày hôm nay với thanh khoản thấp. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/19 ngành tăng điểm, trong đó Hóa chất, Xây dựng và Vật Liệu, Bán lẻ dẫn đầu đà tăng hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên giao dịch tới, thị trường có thể đi ngang tích lũy trong vùng 1,100-1,110 sau đợt điều chỉnh trước đó.

**Hợp đồng tương lai:** Các HĐTL tăng theo xu hướng vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

**Chứng quyền:** Trong phiên giao dịch ngày 20/06/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

#### Điểm nhấn:

- VN-Index **+6.32** điểm, đóng cửa **1111.72** điểm. HNX-Index **+2.25** điểm, đóng cửa **228.77** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+0.94)**, **CTG (+0.73)**, **GAS (+0.63)**, **HPG (+0.44)**, **MWG (+0.37)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-2.07)**, **SAB (-0.24)**, **VNM (-0.16)**, **VIC (-0.09)**, **SHB (-0.08)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **11,225** tỷ đồng, giảm **-9.94%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13,612 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 9.47 điểm. Thị trường có **298** mã tăng, **61** mã tham chiếu, **127** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-408.44** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-81.49 tỷ)**, **SSI (-62.42 tỷ)**, **VCB (-53.14 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-26.3** tỷ đồng.

#### Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30: các mã diễn biến tích cực: **VGC (5.07%)**, **GVR (5.03%)**, **KBC (3.60%)**.
- BSC50: các mã diễn biến tích cực: **CII (6.94%)**, **HHV (6.86%)**, **DXG (5.17%)**.

#### BSC RESEARCH

##### Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

##### Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

**VN-INDEX** **1111.72**  
Giá trị: 11225.13 tỷ **6.32 (0.57%)**  
Khối ngoại (ròng): -408.44 tỷ

**HNX-INDEX** **228.77**  
Giá trị: 1220.99 tỷ **2.25 (1%)**  
Khối ngoại (ròng): -26.3 tỷ

**UPCOM-INDEX** **84.82**  
Giá trị: 542.58 tỷ **0.27 (0.32%)**  
Khối ngoại (ròng): -6.78 tỷ

#### Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	70.2	-2.24%
Giá vàng	1,950	-0.40%
Tỷ giá USD/VND	23,525	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,709	-0.14%
Tỷ giá JPY/VND	166	-0.01%
LS liên NH 1 tháng	4.4%	-1.86%
LS TPCP 5 năm	3.8%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

#### Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	37.20	VNM	-81.49
KBC	26.81	SSI	-62.42
FUEKIVFS	24.65	VCB	-53.14
DXG	24.33	STB	-49.82
HDG	22.43	VPB	-44.87

Nguồn: BSC Research

#### Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

## Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 16/6

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	70.18	-2.24%	4.55%	-2.60%	-36.31%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	76.06	-0.72%	5.87%	0.09%	-30.14%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.64	-1.33%	6.54%	-0.15%	-31.25%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.66	1.12%	17.45%	10.89%	-60.35%		
TTF Gas	EUR/MWh	34.90	-0.31%	12.44%	17.46%	-71.07%		
Vàng	Ounce	1,949.70	-0.39%	-0.37%	-1.00%	6.06%		PNJ
Bạc	Ounce	23.95	-0.80%	-0.41%	1.24%	10.99%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,469.25	0.19%	7.03%	9.54%	-13.36%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	14.94	0.07%	-1.13%	-7.72%	-38.52%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	133.20	-0.82%	1.06%	-2.35%	-17.57%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG
Đường	LB	26.43	1.65%	4.14%	2.01%	42.10%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Cà phê	LB	184.90	-1.12%	-3.02%	-2.43%	-18.78%	VCF, CTP	CTP, DLG
Ure	USD/T	299.00	0.00%	0.84%	-16.83%	-52.54%		DPM, DCM
Niken	LB	22,956.00	0.24%	9.15%	8.21%	-10.26%		PC1
Đồng	LB	3.79	-2.50%	0.98%	3.08%	-5.28%	CAV, SAM, TGP	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	3,778.00	-0.13%	2.36%	4.13%	-14.81%		HPG
Nhôm	Ton	2,237.00	-1.50%	0.40%	-1.17%	-11.48%	CAV, SAM, TGP	

## Thông tin nổi bật

### Giá dầu

- Giá dầu thô Brent kết thúc phiên giảm 2.24%, xuống 70.18 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas của Mỹ (WTI) giảm tương đương 0.7%, xuống 76.06 USD.
- Giá dầu giảm vào thứ Hai do lo ngại về nền kinh tế Trung Quốc lẫn áp lực giảm sản lượng từ việc OPEC+ cắt giảm sản lượng.

### Giá vàng

- Giá vàng giao ngay kết thúc phiên giảm 0.39% xuống 1,950.00 USD/ounce. Giá vàng Mỹ kỳ hạn tháng 8 giảm 0.4% xuống còn 1,964.00 USD.
- Giá vàng giảm với lượng giao dịch ít do thị trường Mỹ nghỉ lễ và đồng USD hồi phục sau khi giảm ở phiên liền trước.

### Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) kết thúc phiên giảm 0.12% xuống 809.5 nhân dân tệ (113.08 USD)/tấn, sau khi tăng khoảng 2% vào tuần trước. Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 7 trên Sàn giao dịch Singapore giảm 0.05% xuống 113.45 USD/tấn, sau khi tăng hơn 4% trong tuần trước.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tại Đại Liên và Singapore giảm vào thứ Hai sau khi tăng trong tuần trước, chịu áp lực bởi giá thép giảm do nhu cầu yếu và nguồn cung tăng.

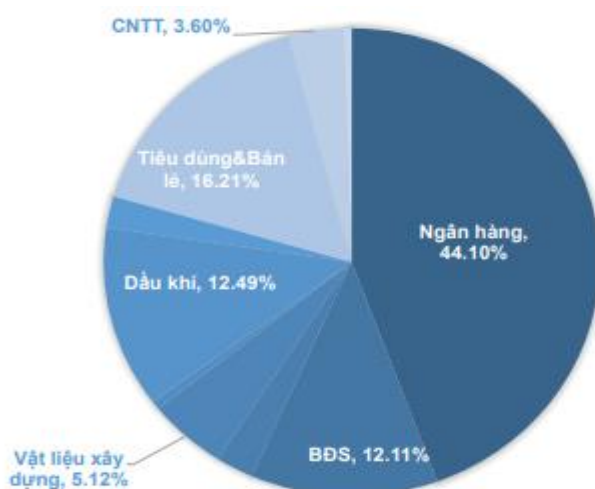
### Giá hàng hóa khác

- Cà phê robusta tháng 9 kết thúc phiên tăng 1.3% lên 2,783 USD/tấn sau khi lập mức cao kỷ lục 2,797 USD vào thứ Sáu.

## Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	99.9	-1.8%	1.1	20,101	7.6	7,311	13.7	105,000	23.5%	<a href="#">Link</a>
BID	Ngân hàng	43.5	0.5%	0.9	9,356	1.5	4,208	10.3	54,578	17.2%	<a href="#">Link</a>
VPB	Ngân hàng	19.5	0.3%	1.1	5,566	12.0	-	-	-	17.6%	<a href="#">Link</a>
TCB	Ngân hàng	32.2	0.2%	1.6	4,808	2.8	-	-	-	22.5%	<a href="#">Link</a>
MBB	Ngân hàng	19.6	0.5%	1.5	3,788	4.6	4,640	4.2	26,000	23.2%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	29.2	1.7%	1.2	2,344	13.3	4,603	6.3	24,600	26.5%	<a href="#">Link</a>
GVR	BDS KCN	18.8	5.0%	1.9	3,197	2.8	4,880	3.9	31,200	0.5%	<a href="#">Link</a>
KBC	BDS KCN	28.8	3.6%	1.7	938	17.6	-	-	-	20.4%	<a href="#">Link</a>
IDC	BDS KCN	43.0	1.2%	1.7	603	4.7	1,217	-	19,100	10.7%	<a href="#">Link</a>
VGC	BDS KCN	44.6	5.1%	1.8	849	4.8	1,916	23.3	25,000	5.0%	<a href="#">Link</a>
HPG	Vật liệu xây dựng	23.6	1.3%	2.1	5,847	14.7	1,896	12.4	18,500	23.7%	<a href="#">Link</a>
VHM	Vật liệu xây dựng	55.1	0.2%	1.0	10,201	2.3	5,227	10.5	68,300	24.3%	<a href="#">Link</a>
VRE	BDS	26.6	0.4%	1.0	2,575	2.2	1,576	16.9	31,800	32.9%	<a href="#">Link</a>
KDH	BDS	30.6	0.7%	1.7	933	2.3	2,557	12.0	38,700	36.6%	<a href="#">Link</a>
NLG	BDS	35.0	1.7%	1.6	571	3.9	14,120	2.5	42,000	45.1%	<a href="#">Link</a>
DGC	Phân bón	62.9	2.8%	1.8	1,016	7.5	6,793	9.3	122,300	16.0%	<a href="#">Link</a>
DPM	Dầu khí	33.0	0.8%	1.1	548	1.3	2,625	12.6	42,000	18.3%	<a href="#">Link</a>
DCM	Dầu khí	25.6	1.0%	1.3	575	3.2	2,292	11.2	18,400	10.7%	<a href="#">Link</a>
GAS	Dầu khí	96.5	1.4%	0.7	7,853	2.1	1,340	72.0	31,100	3.0%	<a href="#">Link</a>
PLX	Dầu khí	37.2	0.0%	0.9	2,010	0.9	2,929	12.7	24,300	17.8%	<a href="#">Link</a>
PVS	Dầu khí	33.1	0.9%	1.2	673	5.0	993	33.3	13,000	20.7%	<a href="#">Link</a>
PVD	Dầu khí	24.4	1.9%	1.3	578	3.9	7,698	3.2	85,000	22.1%	<a href="#">Link</a>
POW	Tiện ích	13.6	0.4%	1.0	1,354	2.3	3,895	3.5	87,600	7.8%	<a href="#">Link</a>
VNM	Bán lẻ	65.5	-0.5%	0.3	5,820	8.3	2,605	25.1	96,000	55.6%	<a href="#">Link</a>
MSN	Bán lẻ	75.2	0.9%	1.2	4,552	1.9	3,456	21.8	55,200	30.3%	<a href="#">Link</a>
MWG	Bán lẻ	42.5	2.4%	1.7	2,644	4.5	7,475	5.7	95,000	49.0%	<a href="#">Link</a>
PNJ	Bán lẻ	72.3	0.0%	0.6	1,008	3.2	2,965	24.4	77,100	48.6%	<a href="#">Link</a>
VHC	Thủy sản	61.2	1.8%	1.0	477	0.7	12,800	4.8	67,500	30.5%	<a href="#">Link</a>
GMD	Logistics	51.0	1.6%	0.4	654	1.1	7,059	7.2	57,000	48.2%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ	85.5	0.9%	0.7	4,014	3.4	5,901	14.5	91,900	49.0%	<a href="#">Link</a>

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



## Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	29.2	2.1%	1.2	5,966	3.5	3,520	8.1	1.3	28.1%	16.3%
ACB	Ngân hàng	21.6	0.0%	1.0	3,575	5.2	3,742	5.8	1.5	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	18.7	1.9%	0.9	2,000	2.1	3,149	5.9	1.3	19.3%	23.9%
LPB	Ngân hàng	14.8	1.0%	1.3	1,092	2.4	2,732	5.5	1.1	4.9%	19.9%
VIB	Ngân hàng	23.3	0.9%	1.2	2,088	5.2	4,163	5.6	1.5	20.5%	30.0%
VND	Chứng khoán	19.6	2.1%	2.1	1,015	24.7	489	38.7	1.6	23.0%	4.8%
TPB	Ngân hàng	18.2	-0.3%	1.0	1,708	1.8	2,895	6.4	1.3	30.0%	20.9%
SSI	chứng khoán	25.7	1.2%	1.7	1,638	21.0	1,120	22.5	1.8	43.4%	7.9%
CII	Xây dựng	18.5	6.9%	1.5	198	19.0	218	80.9	5.5	9.5%	3.0%
C4G	Xây dựng	13.6	3.0%	1.9	0	2.5	791	16.7	1.7	0.0%	6.9%
CTD	Xây dựng	65.0	1.2%	2.0	206	0.7	184	361.5	0.6	49.1%	0.2%
HHV	Xây dựng	14.8	6.9%	1.6	194	9.3	903	15.3	0.8	3.6%	3.9%
LCG	Xây dựng	13.8	2.6%	2.0	111	6.1	781	16.5	1.0	3.5%	6.0%
BCM	KCN	82.0	1.2%	0.8	3,608	1.4	1,170	68.4	4.7	2.8%	7.6%
HUT	KCN	18.5	2.8%	1.3	274	1.3	162	113.7	1.7	2.0%	1.3%
PHR	KCN	46.9	2.2%	1.3	270	1.0	6,039	7.7	1.7	14.4%	24.4%
SZC	KCN	35.6	2.6%	1.8	151	0.9	1,323	27.5	2.3	3.2%	9.0%
HSG	Vật liệu	16.6	2.2%	2.4	422	4.4	(1,754)		1.0	17.1%	2.3%
HT1	Vật liệu	15.2	2.4%	1.4	247	0.5	386	38.8	1.1	3.6%	3.0%
NKG	Vật liệu	17.0	3.4%	2.5	190	4.2	(2,586)		0.9	12.2%	13.5%
PTB	Vật liệu	47.8	0.1%	1.1	138	0.3	6,017	8.1	1.2	13.6%	15.6%
KSB	Vật liệu	27.2	3.2%	1.6	88	3.0	1,393	19.2	1.0	8.9%	6.5%
NVL	BDS	14.5	3.6%	1.3	1,202	14.5	362	40.3	0.7	6.2%	1.9%
DXG	BDS	15.2	5.2%	2.6	396	16.8	(240)		0.6	20.5%	3.4%
HDC	BDS	29.6	1.7%	0.9	170	0.9	3,157	11.7	1.7	1.2%	20.6%
DIG	BDS	21.8	3.1%	2.3	567	17.5	262	79.9	1.7	6.0%	2.1%
IJC	BDS	15.1	2.4%	2.1	162	1.7	1,662	8.8	0.9	5.9%	12.1%
BSR	Dầu khí	17.5	1.7%	1.4	0	4.9	4,750	3.7	1.0	0.6%	29.6%
PVT	Dầu khí	21.0	0.2%	0.9	288	1.3	2,740	7.6	0.8	18.1%	15.1%
PLC	Săm lốp	37.4	2.7%	1.6	128	0.5	1,355	26.4	2.3	1.0%	9.4%
DRC	Tiện ích	20.3	0.7%	1.2	102	0.2	2,246	9.1	1.3	8.4%	14.4%
REE	Tiện ích	63.5	0.3%	0.9	1,103	1.4	6,714	9.2	1.3	49.0%	19.7%
GEX	Tiện ích	19.2	3.5%	1.8	695	10.8	10	1912.7	0.9	12.2%	4.2%
NT2	Tiện ích	31.0	-1.6%	0.6	379	1.0	3,245	9.9	2.0	16.0%	21.4%
HDG	Tiện ích	38.3	1.7%	1.8	398	2.0	4,718	7.9	1.4	20.5%	22.8%
PC1	Tiện ích	27.4	1.7%	1.7	316	2.0	1,257	23.5	1.3	8.1%	6.2%
GEG	Tiện ích	16.5	1.5%	1.1	271	0.9	956	17.5	1.1	46.4%	6.2%
BCG	Dầu khí	9.9	2.6%	2.4	224	3.0	220	47.6	0.4	1.9%	0.3%
SAB	Bán lẻ	155.3	-1.0%	0.0	4,234	0.6	7,649	20.7	4.0	62.6%	21.8%
QNS	Bán lẻ	48.9	0.8%	0.4	0	1.9	4,226	10.3	2.2	19.3%	19.5%
FRT	Bán lẻ	64.2	2.2%	1.6	372	2.3	1,620	35.9	4.5	28.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	41.0	2.0%	2.2	291	2.5	3,397	11.3	3.0	22.5%	24.7%
DBC	Bán lẻ	21.2	1.9%	2.0	219	6.3	(1,339)		1.1	5.8%	3.2%
PET	Bán lẻ	27.3	3.2%	2.5	115	0.5	1,026	26.1	1.4	1.5%	6.3%
BAF	Bán lẻ	22.9	0.0%	1.1	140	1.4	1,409	16.6	1.9	0.2%	12.1%
ANV	Thủy sản	34.2	1.6%	2.0	194	1.8	4,368	8.1	1.7	6.6%	20.8%
VSC	Logistics	33.3	0.3%	0.2	172	0.8	2,087	13.8	1.3	3.0%	10.7%
HAH	Logistics	43.5	1.6%	1.3	130	2.3	9,072	4.9	1.0	9.2%	35.9%
CTR	Công nghệ	71.5	0.8%	1.5	348	0.4	4,040	17.6	4.8	11.0%	29.4%
TNG	Dệt may	18.5	2.2%	1.8	89	0.8	2,879	6.9	1.3	13.9%	19.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		<a href="#">Click</a>
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	<a href="#">Click</a>
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		<a href="#">Click</a>
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		<a href="#">Click</a>
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		<a href="#">Click</a>
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		<a href="#">Click</a>
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		<a href="#">Click</a>
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	<a href="#">Click</a>
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		<a href="#">Click</a>
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		<a href="#">Click</a>
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		<a href="#">Click</a>
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		<a href="#">Click</a>
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	<a href="#">Click</a>
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		<a href="#">Click</a>
15	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		<a href="#">Click</a>
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		<a href="#">Click</a>
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	<a href="#">Click</a>
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		<a href="#">Click</a>
19	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	<a href="#">Click</a>
20	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		<a href="#">Click</a>
21	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	<a href="#">Click</a>
22	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		<a href="#">Click</a>
23	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	<a href="#">Click</a>
24	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	<a href="#">Click</a>
25	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		<a href="#">Click</a>
26	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		<a href="#">Click</a>
27	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		<a href="#">Click</a>
28	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	<a href="#">Click</a>
29	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		<a href="#">Click</a>
30	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	<a href="#">Click</a>
31	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		<a href="#">Click</a>
32	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	<a href="#">Click</a>
33	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		<a href="#">Click</a>
34	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		<a href="#">Click</a>
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		<a href="#">Click</a>
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		<a href="#">Click</a>
37	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		<a href="#">Click</a>
38	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	<a href="#">Click</a>
39	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		<a href="#">Click</a>
40	Covid lần sóng thứ 4	x		<a href="#">Click</a>
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		<a href="#">Click</a>
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		<a href="#">Click</a>
43	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		<a href="#">Click</a>
44	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	<a href="#">Click</a>

## Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

### BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

### BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

### Đối với Phân tích Nghiên cứu

#### Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn  
(+84) 39352722 - Ext 108

### Đối với Khách hàng tổ chức

#### Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn  
(+84)2439264659

### Đối với Khách hàng cá nhân

#### Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn  
(+84)2437173639